

Thái Nguyên, ngày 22/06/2009

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2009 - 2010
của hệ Đại học chính quy khoá 43

Căn cứ vào chương trình đào tạo và điều kiện thực tế, học kỳ I năm học 2009-2010, Nhà trường có kế hoạch triển khai các nội dung sau (theo từng chuyên ngành) để sinh viên đăng ký khối lượng học tập:

1. Chuyên ngành SP Tin

- 1.1. Những NL của CNMLN – 03 TC *
- 1.2. Giáo dục học – 04 TC
- 1.3. Xác suất thống kê & QT ngẫu nhiên – 04 TC
- 1.4. Giải tích số - 02 TC
- 1.5. Lập trình C – 03 TC
- 1.6. Cơ sở dữ liệu – 02 TC

2. Chuyên ngành Toán

- 2.1. Ngoại ngữ 1 – 03 TC
- 2.2. Giáo dục học – 04 TC
- 2.3. Giải tích 3 – 04 TC
- 2.4. Hình học A fin – 04 TC
- 2.5. Phương pháp tính – 02 TC
- 2.6. Những nguyên lý của CN MLN – 03 TC *

3. Chuyên ngành Lý

- 3.1. Những nguyên lý của CN MLN – 05 TC
- 3.2. Ngoại ngữ 1 – 03 TC
- 3.3. Phát triển & môi trường – 02 TC
- 3.4. Thí nghiệm VL đại cương – 02 TC
- 3.5. Điện tử học cơ bản – 03 TC
- 3.6. Toán lý – 03 TC

4. Chuyên ngành GDCN

- 4.1. Những nguyên lý của CN MLN – 05 TC
- 4.2. Ngoại ngữ 2 – 03 TC
- 4.3. Môi trường và phát triển – 02 TC
- 4.4. Kỹ thuật điện tử - 03 TC
- 4.5. Chăn nuôi – 05 TC
- 4.6. Tư tưởng HCM – 02 TC

5. Chuyên ngành Hoá

- 5.1. Hoá lý 1 – 03 TC
- 5.2. Hoá phân tích 1 – 03 TC
- 5.3. Tiếng Anh 2 – 03 TC
- 5.4. Giáo dục học – 04 TC
- 5.5. Hoá vô cơ 2 – 03 TC
- 5.6. Thí nghiệm hoá vô cơ – 02 TC
- 5.7. Những nguyên lý của CN MLN – 03 TC *

6. Chuyên ngành Sinh	
6.1.Những nguyên lý của CN MLN	– 03 TC *
6.2.Tư tưởng Hồ Chí Minh	– 02 TC
6.3.Tâm lý học	– 03 TC
6.4. Ngoại ngữ 2	– 03 TC
6.5.Chọn một trong hai học phần	
6.5.1. PPNCKH	– 02 TC
6.5.2. Lý sinh	– 02 T C
6.6.Giải phẫu học người	– 02 TC
6.7.Vi sinh vật học	– 03 TC
7. Chuyên ngành Văn	
7.1.Đường lối cách mạng Việt Nam	– 03 TC
7.2.Giáo dục học	– 04 TC
7.3.Ngoại ngữ 1	– 03 TC
7.4.Đại cương dân gian	– 02 TC
7.5.Tổng quan văn học nước ngoài	– 02 TC
7.6.Hán nôm	– 02 TC
8. Chuyên ngành Sử	
8.1.Những nguyên lý của CN MLN	- 03 TC *
8.2.Tư tưởng HCM	- 02 TC
8.3. Giáo dục học	- 04 TC
8.4. Hán nôm	- 04 TC
8.5. Tư tưởng DCTS ở Việt Nam đầu TK XX	- 02 TC
8.6.Phương pháp luận sử học	- 02 TC
8.7. Xác hội học đại cương	- 02 TC
8.8.Thực tế chuyên môn	- 02 TC
9. Chuyên ngành Địa lý	
9.1.Những NL của CN MLN	– 03 TC *
9.2.Quản lý HC NN và quản lý ngành	– 02 TC
9.3.Giáo dục học	– 04 TC
9.4.Ngoại ngữ 1	– 03 TC
9.5.Trắc địa đại cương	– 03 TC
9.6.Địa lý tự nhiên đại cương 3	– 03 TC
9.7.Địa lý KT-XH đại cương 2	– 04 TC
10.Chuyên ngành GDCD	
10.1. Những nguyên lý của CN MLN 3	– 04 TC
10.2. Pháp luật học	– 05 TC
10.3. Giáo dục học	– 04 TC
10.4. Ngoại ngữ 2	– 03 TC
11.Chuyên ngành TLGD	
11.1. Môi trường và phát triển	– 02 TC
11.2. Giáo dục học	– 04 TC
11.3. Tâm lý học sư phạm	– 03 TC
11.4. Tâm lý học phát triển	– 04 TC
11.5. Chọn một trong 4 học phần	
11.5.1. Tâm lý học quản lý	– 03 TC
11.5.2. Lịch sử giáo dục thế giới	– 03 TC

11.5.3.	Tâm lý học gia đình	– 03 TC
11.5.4.	GDĐS, giới tính và môi trường	– 03 TC
11.6.	Ngoại ngữ 2	– 03 TC
11.7.	Những nguyên lý của CN MLN	– 03 TC*
12.Chuyên ngành TDTT		
12.1.	Ngoại ngữ 2	– 03 TC
12.2.	PP NCKH TDTT	– 02 TC
12.3.	Nhảy cao	– 02 TC
12.4.	Bóng rổ	- 03 TC
12.5.	Những nguyên lý của CN MLN	– 03 TC*
12.6.	Chọn một trong hai HP	
12.6.1.	Ném đẩy	– 02 TC
12.6.2.	Thế dục đồng diễn	– 02 TC
12.7.	Chọn một trong hai HP	
12.7.1.	Tâm lý TDTT	– 02 TC
12.7.2.	Lịch sử TDTT	– 02 TC
12.8.	Chọn một trong hai HP	
12.8.1.	Dân số MT và phát triển	– 02 TC
12.8.2.	Tiếng Việt thực hành	- 02 TC
13.Chuyên ngành GDTDTT-QP		
13.1.	Quản lý hành chính Nhà nước	– 03 TC
13.2.	Ngoại ngữ 1	– 03 TC
13.3.	Đo lường TDTT	– 02 TC
13.4.	PPNCKH TDTT	– 02 TC
13.5.	Những NLC CNMLN	– 03 TC*
13.6.	Chọn 1 trong hai HP :	
13.6.1.	Chạy trung bình	– 2 TC
13.6.2.	Ném đẩy	– 02 TC
13.7.	Chọn một trong hai học phần	
13.7.1.	Thế dục nhịp điệu	– 02 TC
13.7.2.	Thế dục đồng diễn	– 02 TC
13.8.	Chọn một trong hai học phần	
13.8.1.	Bóng rổ	- 02 TC
13.8.2.	Bóng ném	– 02 TC
14.Chuyên ngành Toán- Tin		
14.1.	Ngoại ngữ 1	– 03 TC
14.2.	Giáo dục	– 04 TC
14.3.	Hình cao cấp	– 05 TC
14.4.	Lý thuyết số & CS số học	– 04 TC
14.5.	Những nguyên lý của CN MLN	– 03 TC*
15.Chuyên ngành Toán – Lý		
15.1.	Ngoại ngữ 1	– 03 TC
15.2.	Giáo dục	– 04 TC
15.3.	Hình cao cấp	– 05 TC
15.4.	Lý thuyết số & CS số học	– 04 TC
15.5.	Những nguyên lý của CN MLN	– 03 TC*
16.Chuyên ngành Văn - Sử		

16.1.	Ngoại ngữ 1	– 03 TC (Tiếng Trung)
16.2.	Giáo dục	– 04 TC
16.3.	Văn VN từ TK 19 đầu TH 20	– 03 TC
16.4.	Văn học nước ngoài 1	– 03 TC
16.5.	Lịch sử NT,CD, TĐ và cận đại	– 04 TC
16.6.	Những nguyên lý của CNMLN	– 03 TC
17.Chuyên ngành Văn - Địa		
17.1.	Ngoại ngữ 1	– 03 TC (Tiếng Trung)
17.2.	Giáo dục học	– 04 TC
17.3.	Văn VN từ TK 19 đầu TH 20	– 03 TC
17.4.	Văn học nước ngoài 1	– 03 TC
17.5.	Địa lý tự nhiên đại cương	– 04 TC
17.6.	Những nguyên lý CN MLN	– 03 TC*
18.Chuyên ngành Sinh – Hoá		
18.1.	Ngoại ngữ 1	- 03 TC
18.2.	Giáo dục	– 04 TC
18.3.	Thực vật học	– 05 TC
18.4.	Hoá học vô cơ	– 04 TC
18.5.	Những nguyên lý của CN MLN	– 03 TC*
19.Chuyên ngành Anh văn		
19.1.	Khẩu ngữ tiếng Anh cao cấp	– 04 TC
19.2.	Bút ngữ tiếng Anh cao cấp	– 04 TC
19.3.	Chọn một trong hai HP	
19.3.1.	Dẫn luận PPGD tiếng NN	– 03 TC
19.3.2.	Tin học trong giảng dạy NN	- 03 TC
19.4.	Ngữ pháp tiếng Anh	– 03 TC
19.5.	Những nguyên lý của CN MLN	– 05 TC
19.6.	Chọn 1 trong hai HP	
19.6.1.	Đề án du lịch Anh	– 03 TC
19.6.2.	Đề án văn hoá Anh	– 03 TC
20.Chuyên ngành GD Tiểu học		
20.1.	Tiếng Việt 1	– 04 TC
20.2.	Toán học 3	– 04 TC
20.3.	Cơ sở TN – XH 2	– 03 TC
20.4.	Giáo dục học	– 04 TC
20.5.	Ngoại ngữ 2	– 03 TC
20.6.	Chọn một trong 3 HP	
20.6.1.	Sinh lý trẻ	- 02 TC
20.6.2.	Lý luận văn học	– 02 TC
20.6.3.	Lịch sử văn minh thế giới	– 02 TC
21.Chuyên ngành GD Mầm non		
21.1.	Những NLCB của CN MLN	– 05 TC
21.2.	Giáo dục học	– 04 TC
21.3.	Ngoại ngữ 2	– 03 TC
21.4.	Thống kê	- 02 TC
21.5.	Tâm lý học trẻ em	– 02 TC
21.6.	Âm nhạc	– 03 TC

